

NGĂN NGỪA HÀNH VI TRA TẤN, BỨC CUNG, DÙNG NHỤC HÌNH TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ BẰNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG CHỨNG CỨ

VÕ MINH KỲ

Viện Kiểm sát Nhân dân Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

People's Procuracy of Ninh Kieu District, Can Tho City

Email: vmky1991@gmail.com

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp

Department of Criminal and Administrative Law, Ministry of Justice

Email: amelia.nguyen.1989@gmail.com

Tóm tắt

Tra tấn, bức cung, nhục hình là các hành vi trái pháp luật bị nghiêm cấm trong hầu hết hệ thống tư pháp hình sự vì các hệ quả nghiêm trọng mà chúng gây ra. Quy định về kiểm tra, đánh giá, và sử dụng chứng cứ cần được xem như là một phương tiện, công cụ để loại trừ các lời khai, lời nhận tội được thu thập từ các hành vi trên, từ đó triệt tiêu động lực sử dụng các hành vi trái pháp luật đó. Bài viết tiến hành phân tích quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam về tra tấn, bức cung, dùng nhục hình và kiểm tra, đánh giá, sử dụng lời khai từ các hành vi đó. Đồng thời, trên cơ sở so sánh với quy định của một số quốc gia khác, bài viết chỉ ra các hạn chế của quy định hiện hành và đưa ra kiến nghị hoàn thiện.

Từ khóa: tra tấn, bức cung, dùng nhục hình, lời khai, lời nhận tội

Abstract

Torture, obtaining testimony by duress, and corporal punishment are illegal acts prohibited in most criminal justice systems because of their serious consequences. The regulation on examination, evaluation, and utilization of evidence should be seen as a means and tool to exclude statements and confessions obtained from such illegal acts, thereby eliminating the motivation to practice them. The article analyzes the provisions of the criminal law and criminal procedure law in Vietnam on torture, obtainment of testimony by duress, and use of corporal punishment and examines, evaluates and uses testimonies from those acts. Subsequently, through a comparison with rule in some other countries, the paper identifies limitations and offers suggestions for improvement.

Keywords: torture, use of corporal punishment, obtaining testimony by duress, evidence, testimony

Ngày nhận bài: 17/03/2024

Ngày duyệt đăng: 12/06/2024

1. Tra tấn, bức cung, dùng nhục hình trong tố tụng hình sự

Theo luật quốc tế, thuật ngữ “tra tấn” (torture) được Công ước về Chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm năm 1984 (Convention Against Torture and Other Cruel, Inhuman or Degrading Treatment or Punishment, UNCAT) trước quy định là “bất kỳ hành vi nào cố ý gây đau đớn hoặc đau khổ nghiêm trọng về thể xác hay tinh thần cho một người, vì những mục đích như lấy thông tin hoặc lời thú tội từ người đó hay một người thứ ba, hoặc để trừng phạt người đó vì một hành vi mà người đó hay người thứ ba thực hiện hay bị nghi ngờ đã thực hiện, hoặc để đe dọa hay ép buộc người đó hay người thứ ba, hoặc vì bất kỳ một lý do nào khác dựa trên sự phân biệt đối xử dưới mọi hình thức, khi nỗi đau đớn và đau khổ đó do một công chức hay người nào khác hành động với tư cách chính thức gây ra,

hay với sự xúi giục, đồng tình hay ưng thuận của một công chức. Khái niệm tra tấn không bao gồm những đau đớn hoặc đau khổ xuất phát từ, gắn liền với hoặc có liên quan đến các biện pháp trừng phạt hợp pháp (khoản 1 Điều 1)”¹.

Như vậy, loại trừ những hành vi gây ra sự đau đớn hoặc đau khổ xuất phát hoặc gắn liền với biện pháp trừng phạt hợp pháp, ví dụ như thi hành án hình sự, thì các hành vi sau sẽ bị coi là “tra tấn”: (i) cố ý gây đau đớn, đau khổ nghiêm trọng về thể xác, tinh thần vì mục đích lấy thông tin từ một người, (ii) trừng phạt người đó vì đã thực hiện, dù chỉ là trường hợp thuộc diện nghi ngờ, (iii) đe dọa hay ép buộc, hoặc vì bất kỳ một lý do nào khác dựa trên sự phân biệt đối xử dưới mọi hình thức. Đối tượng thực hiện hành vi tra tấn gây ra đau đớn và đau khổ là công chức hoặc người có tư cách chính thức gây ra, hoặc một người khác thực hiện với sự xúi giục, đồng tình hay ưng thuận của một công chức. Điều này có thể được hiểu, hành vi gây đau đớn hoặc đau khổ, chỉ bị coi là tra tấn nếu do một người thuộc hệ thống công vụ thực hiện trực tiếp hoặc gián tiếp.

Tại Việt Nam, hành vi tra tấn nhìn chung bị nghiêm cấm. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam lại sử dụng đồng thời nhiều thuật ngữ có liên quan là “tra tấn,” “dùng nhục hình,” và “bức cung” trong cả Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015 (BLHS) và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS). Cách sử dụng 03 thuật ngữ này có phần liên quan với nhau và trùng lặp. Cụ thể, tại BLHS năm 2015, cụm từ “tra tấn” được xuất hiện tại điểm b, khoản 3, Điều 157 về Tội bắt, giam, giữ người trái pháp luật. Theo đó, hành vi “tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục nhân phẩm của người bị bắt, giữ, giam” được coi là tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 3.

Trong khi đó, đối với hành vi “dùng nhục hình” và “bức cung”, chủ thể thực hiện lại thuộc nhóm chủ thể đặc biệt, bao gồm những người đang trong hoạt động tố tụng, thi hành án hoặc thi hành các biện pháp tư pháp. Cụm từ “nhục hình” thì lại xuất hiện ở Điều 373 về Tội dùng nhục hình. Theo đó, “Người nào trong hoạt động tố tụng, thi hành án hoặc thi hành các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm của người khác dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.” Ngoài ra, cụm từ “nhục hình” còn được xem là tình tiết tăng nặng tại điểm d, khoản 2, Điều 374 của Tội bức cung có cấu thành cơ bản như sau: “Người nào trong hoạt động tố tụng mà sử dụng thủ đoạn trái pháp luật ép buộc người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung phải khai ra thông tin liên quan đến vụ án, vụ việc, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Còn cấu thành tăng nặng ở khoản 2 là “d) Dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung”. Như vậy, nếu

1 Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt đối xử tàn ác vô nhân đạo hạ thấp nhân phẩm 1984, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Cong-uoc-chong-tra-tan-va-cac-hinh-thuc-trung-phat-doi-xu-tan-ac-vo-nhan-dao-ha-thap-nhan-pham-1984-275838.aspx>, truy cập ngày 22/6/2023.

sử dụng nhục hình mà không nhằm mục đích lấy lời khai thì cấu thành tội dùng nhục hình, còn nhằm mục đích lấy lời khai thì cấu thành tội bức cung ở tình tiết định khung nặng ở khoản 2.

Như vậy, có thể thấy BLHS năm 2015 đã tách biệt hai thuật ngữ “tra tấn” và “nhục hình.” Điều này có thể dẫn đến cách hiểu đây là hai hành vi khác nhau. Tuy nhiên, nếu hiểu theo hướng này thì khó có thể phân biệt được hai hành vi này. Hoặc có thể hiểu theo hướng thứ hai là tra tấn và dùng nhục hình có cùng bản chất là hành vi gây tổn thương thể xác. Cả hai thuật ngữ này đều đi kèm theo hậu tố tương tự là “đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục nhân phẩm” và “đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm.” Do đó, chúng có thể được hiểu tương đương với nhau, chẳng qua là do kỹ thuật lập pháp chưa chuẩn xác.

Cụm từ “bức cung” lại được quy định riêng trong quy định tại Điều 374 BLHS năm 2015. Trong quy định này, mặc dù luật không quy định rõ ràng hành vi tra tấn trong Điều 374, hành vi khách quan “sử dụng thủ đoạn trái pháp luật ép buộc” có thể bao gồm một trong các biểu hiện của hành vi “tra tấn” theo cách hiểu của UNCAT. Như vậy, ở khía cạnh hành vi khách quan, hành vi bức cung mang tính bao trùm lên hai hành vi tra tấn và dùng nhục hình, bởi “thủ đoạn trái pháp luật” ngoài tra tấn, dùng nhục hình thì còn có thể bao gồm các thủ đoạn khác như đe dọa, dụ cung, đưa ra thông tin sai lệch cho bị can.

BLTTHS năm 2018 cũng có một số quy định liên quan đến các hành vi tra tấn, bức cung, và dùng nhục hình. Tại Điều 10 BLTTHS năm 2018 quy định về bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể nghiêm cấm việc tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người. Thế nhưng, khi đến các quy định cụ thể thì nhà làm luật lại bỏ qua thuật ngữ “tra tấn” mà chỉ còn thuật ngữ “bức cung, dùng nhục hình”. Cụ thể, BLTTHS năm 2018 sử dụng cụm từ “bức cung, dùng nhục hình” để chỉ khả năng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người tiến hành tố tụng trong hoạt động hỏi cung bị can (khoản 5 Điều 183). Đồng thời, Điều 313 BLTTHS năm 2018 quy cho phép Hội đồng xét xử quyết định việc cho bị cáo được nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh liên quan tại phiên tòa trong trường hợp bị cáo tố cáo bị bức cung, dùng nhục hình.

Tóm lại, về kỹ thuật lập pháp, quy định điều chỉnh các hành vi tra tấn, bức cung, và dùng nhục hình còn có điểm chưa phù hợp. Tuy nhiên, nhìn chung, pháp luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam đều nghiêm cấm hành vi tra tấn, bức cung, dùng nhục hình ở các mức độ khác nhau.

2. Hệ quả tiêu cực của tra tấn, bức cung, dùng nhục hình

Hiện tượng tra tấn, bức cung, dùng nhục hình vẫn còn xảy ra tại Việt Nam trên thực tế. Theo thống kê, trong thời gian từ năm 2010 đến tháng 12/2020,

cơ quan điều tra đã khởi tố 49 vụ/78 bị can về tội dùng nhục hình.² Cần phải lưu ý, đây chỉ mới là các vụ việc đã được phát hiện và bị xử lý kịp thời. Hiện tượng tra tấn, bức cung, dùng nhục hình dẫn đến bốn hệ quả tiêu cực.

Thứ nhất, các hành vi này trực tiếp xâm phạm đến quyền con người cơ bản. Trong đó, tra tấn, dùng nhục hình đã rõ ràng xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị buộc tội. Mặt khác, bức cung trong một số trường hợp, ví dụ như đe dọa, tuy không trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người buộc tội nhưng đã xâm phạm đến sự tự do ý chí (*free will*) trong việc quyết định khai báo hay không,³ xâm phạm đến quyền không tự buộc tội và quyền được suy đoán vô tội.

Thứ hai, các hành vi này đã gây tổn hại nghiêm trọng đến tính công bằng của tiến trình tố tụng. Tố tụng hình sự là nơi mà hai bên buộc tội và gỡ tội tiến hành tranh tụng, bình đẳng với nhau trong việc tìm kiếm, thu thập, trình bày chứng cứ. Việc một bên – bên buộc tội – sử dụng bạo lực về mặt thể chất hoặc tinh thần hoặc các thủ đoạn trái pháp luật để buộc một bên – bên bị buộc tội – phải trực tiếp nhận tội, từ đó gián tiếp từ bỏ các quyền bào chữa, đã khiến tiến trình tố tụng không còn diễn ra một cách bình đẳng, công bằng mà chỉ còn diễn ra một chiều, chỉ có buộc tội mà không có gỡ tội.

Thứ ba, các hành vi này còn là một trong các nguyên nhân chính của việc gây ra các vụ án oan sai. Khi người bị buộc tội không thể chịu đựng được sự đau đớn về thể xác hoặc tinh thần do các hành vi này gây ra, họ có thể nhận tội sai. Lỗi nhận tội luôn có tác động mạnh mẽ đến tâm trí của người xét xử, gây thiên kiến bất lợi cho người bị buộc tội.⁴ Theo một nghiên cứu về các vụ án oan sai điển hình tại Việt Nam gần đây, tra tấn, bức cung, dùng nhục hình trong hoạt động lấy lời khai, hỏi cung là một trong các nguyên nhân chính dẫn đến việc người bị buộc tội đã phải nhận tội sai, dẫn đến việc kết án oan sai.⁵

Thứ tư, các hành vi này ảnh hưởng tiêu cực đến tính liêm chính của nền tư pháp và làm suy giảm niềm tin của xã hội vào hệ thống tư pháp. Niềm tin và sự tín nhiệm của xã hội dành cho hệ thống tư pháp chỉ tồn tại khi hệ thống đó thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực đạo đức; và thực hiện hiệu quả các trách nhiệm giám sát, rà soát và quản trị nội

2. Trịnh Duy Thuyền, *Nội luật hóa quy định của Công ước Liên hợp quốc về chống tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2021, tr. 76.

3. Jingkun Liu, *The Exclusionary Rule of Illegal Evidence in China: Theory, Case, Application*, 1st ed. 2019 edition, Springer, New York, 2019, tr. 20.

4. Richard A. Leo and Richard J. Ofshe, “The Consequences of False Confessions: Deprivations of Liberty and Miscarriages of Justice in the Age of Psychological Interrogation”, *The Journal of Criminal Law and Criminology*, Vol. 88, No. 2, 1998, tr. 491–92, <https://doi.org/10.2307/1144288>.

5. Lan Chi Le et al., “Understanding Causes for Wrongful Convictions in Vietnam: A View from the Top and the Bottom of the Iceberg”, *Asian Journal of Criminology*, Vol. 17, 2022, <https://doi.org/10.1007/s11417-022-09390-7>.

bộ.⁶ Do đó, sự lạm dụng quyền lực của các cơ quan tố tụng khi sử dụng các biện pháp trái luật như tra tấn, bức cung, nhục hình để lấy lời khai, lời nhận tội khiến cho tính chính đáng và tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, bị đặt dưới sự nghi ngờ của cộng đồng.

3. Kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ: Một phương tiện ngăn ngừa tra tấn, bức cung, dùng nhục hình

Trong tố tụng hình sự, mục tiêu của tra tấn, bức cung, dùng nhục hình chủ yếu là nhằm thu thập lời khai, lời nhận tội. Do đó, các quy định về việc kiểm tra, đánh giá, sử dụng chứng cứ cần được thiết kế một cách phù hợp để đảm bảo rằng các lời khai được thu thập dựa trên việc tra tấn, bức cung, nhục hình cần phải bị loại trừ và không được sử dụng như là căn cứ để giải quyết vụ án. Việc loại trừ các chứng cứ bị thu thập trái luật sẽ làm giảm động lực của cơ quan điều tra trong việc sử dụng các biện pháp trái luật để thu thập chứng cứ.⁷ Điều 15 UNCAT cũng yêu cầu “bất kỳ lời khai nào được đưa ra như là kết quả của tra tấn sẽ không được sử dụng làm chứng cứ trong bất kỳ tiến trình tố tụng nào.”

Theo quan điểm truyền thống, việc loại trừ các lời khai, lời nhận tội do bị tra tấn, bức cung, nhục hình dựa trên cơ sở không đáng tin cậy.⁸ Bởi vì các lời khai đó được đưa ra trong hoàn cảnh bị ép buộc, khi mà người bị buộc tội chịu sự đau đớn về thể xác hoặc tinh thần, dẫn đến các lời khai đó không đáng tin cậy và có thể chứa đựng các thông tin không chính xác nên cần phải loại trừ và không sử dụng chứng cứ như là căn cứ cho phán quyết của tòa án. Tuy nhiên, quan điểm này lại đối mặt với một vấn đề là nếu các hành vi đó dẫn đến các lời khai đúng sự thật thì liệu chúng có được chấp nhận không.

Chính vì khiếm khuyết đó nên quan điểm này đã không có nhiều tác dụng trong việc triệt tiêu động lực của người thực hiện hành vi tra tấn, bức cung, dùng nhục hình. Bởi lẽ, khi thực hiện các hành vi này thì người thực hiện luôn mong muốn và cho rằng họ sẽ thu nhận được lời khai, lời nhận tội với thông tin chính xác. Tuy nhiên, ở trước, trong và thậm chí cả sau quá trình thực hiện các hành vi đó, họ không thể biết được liệu các lời khai, lời nhận tội sẽ nhận được là đúng hay sai. Đôi khi chỉ sau quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì các cơ quan tố tụng mới có thể kết luận được tính chính xác của lời khai, lời nhận tội.

Do đó, các lý thuyết hiện đại nhấn mạnh vào quá trình lấy lời khai và quyền con người. Theo đó, việc loại trừ lời khai, lời nhận tội là kết quả của tra tấn, bức cung, dùng nhục hình được dựa trên cơ sở của sự xâm phạm quyền con người và vi phạm trình tự tố tụng công bằng.⁹ Bất kể lời khai, lời nhận tội

6 United States Courts, “Issue 2: Preserving Public Trust, Confidence, and Understanding,” *Strategic Plan for Federal Judiciary*, 2020, <https://www.uscourts.gov/statistics-reports/issue-2-preserving-public-trust-confidence-and-understanding>, truy cập ngày 14/6/2023.

7 *Terry v. Ohio*, 392 U.S. 1 (1968), 12.

8 Jingkun Liu, *tlđđ*, tr. 34–35.

9 Jingkun Liu, *tlđđ*, tr. 36–38.

là đúng hay sai, các lời khai, lời nhận tội đó vẫn phải bị loại trừ chỉ đơn giản vì quá trình thu thập đã vi phạm nghiêm trọng đến các quyền cơ bản của con người, vi phạm trình tự công bằng trong việc chứng minh tội phạm. Điều này đã triệt để làm giảm động lực của cơ quan điều tra trong việc sử dụng tra tấn, bức cung, nhục hình.

4. Quy định của pháp luật Việt Nam về kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ thu thập được do tra tấn, bức cung, dùng nhục hình

Điều 86 BLTTHS năm 2018 quy định: “Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án.” Dựa vào định nghĩa trên, chứng cứ gồm có ba thuộc tính cơ bản: (i) tính khách quan là những gì có thật; (ii) tính hợp pháp có nghĩa là chứng cứ được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định; và (iii) tính liên quan được hiểu là chứng cứ được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án.

Như vậy, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ thực chất chính là kiểm tra, đánh giá ba thuộc tính nói trên của chứng cứ, từ đó quyết định việc sử dụng hay loại bỏ trong việc giải quyết vụ án hình sự. Lời khai, lời nhận tội về cơ bản cũng được đánh giá dựa trên ba thuộc tính trên.

Đối với tính hợp pháp của chứng cứ, khoản 2 Điều 87 BLTTHS năm 2018 nhấn mạnh rằng: “Những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án hình sự.” Quy định này được đánh giá là đảm bảo việc loại trừ các lời khai, lời nhận tội được thu thập bởi tra tấn, dùng nhục hình. Theo đó, hành vi tra tấn, bức cung, dùng nhục hình bị nghiêm cấm bởi pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự. Vậy, các lời khai, lời nhận tội được thu thập từ các hành vi này không đảm bảo tính hợp pháp nên không được sử dụng làm chứng cứ để giải quyết vụ án.¹⁰ Tuy nhiên, các quy định khác của pháp luật tố tụng hình sự vẫn chưa tương thích với khoản 2 Điều 87 BLTTHS năm 2018.

4.1. Tra tấn, bức cung, dùng nhục hình và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng

Thông tư liên tịch (TTLT) số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP quy định về trả hồ sơ để điều tra bổ sung đã quy định về vi phạm

¹⁰ Xem các đoạn 120, 121, 122, 123, 227, 228, 229 trong Báo cáo quốc gia lần thứ nhất về thực thi Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người năm 2017, Xem tại Bộ Công an, “Báo cáo quốc gia về thực thi Công ước chống tra tấn”, *Báo cáo quốc gia lần thứ Nhất về thực thi Công ước chống tra tấn*, tổ chức tại Thụy Sĩ từ ngày 14 - 15/11/2018, <https://bocongan.gov.vn/tin-tuc-su-kien/thong-tin-doi-ngoai/bao-cao-quoc-gia-ve-thuc-thi-cong-uoc-chong-tra-tan-d20-t24805.html>, truy cập ngày 14/6/2023.

ng nghiêm trọng thủ tục tố tụng có liên quan đến bức cung, nhục hình tại điểm o khoản 1 Điều 6 như sau: “Có căn cứ để xác định có việc bức cung, nhục hình trong quá trình tiến hành tố tụng làm cho lời khai của bị can không đúng sự thật.” Như vậy, bức cung, dùng nhục hình phải đi kèm với hệ quả lời khai của bị can không đúng sự thật thì mới được xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Quy định này kế thừa tương tự với điểm n khoản 1 Điều 4 của TTLT số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC về hướng dẫn thi hành về trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Như vậy, nếu bức cung, dùng nhục hình nhưng bị can khai ra đúng sự thật thì không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà có thể là vi phạm tố tụng thông thường. Do đó, không thực hiện trả điều tra bổ sung. Đồng thời, nếu cấp sơ thẩm sử dụng những lời khai, lời nhận tội có được do bức cung, dùng nhục hình để làm một trong các căn cứ để kết tội bị cáo thì cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm cũng không có căn cứ hủy án vì đây không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.¹¹

Như vậy, khoản 2 Điều 87 BLTTHS năm 2018 quy định lời khai do bị tra tấn, bức cung, nhục hình không được xem là chứng cứ giải quyết vụ án do không đảm bảo tính hợp pháp. Tuy nhiên, nếu các cơ quan điều tra vẫn thực hiện các hành vi trái luật này để thu thập lời khai đúng sự thật, và tòa án các cấp vẫn sử dụng lời khai đó để kết án thì vi phạm của các cơ quan tố tụng không bị xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến trả điều tra bổ sung hoặc hủy án điều tra lại, xét xử lại. Có thể kết luận, TTLT số 02/2017 đã vô hiệu hóa một phần khoản 2 Điều 87 BLTTHS năm 2018 và cho phép việc sử dụng tra tấn, bức cung, nhục hình, miễn là có thể thu thập được lời khai đúng sự thật.

4.2. Quy định về loại trừ lời khai lập lại và chứng cứ thứ phát

Việc chỉ loại trừ các lời khai được thu thập trực tiếp từ lần thẩm vấn có sử dụng tra tấn, bức cung, nhục hình không có nhiều ý nghĩa khi BLTTHS năm 2018 chưa có quy định về việc loại trừ lời khai lập lại (*successive confessions*) và loại trừ các chứng cứ thứ cấp phát sinh từ lời khai bị bức cung, dùng nhục hình theo nguyên tắc “quả trên cây độc” (*fruit of the poisonous tree*).

Thứ nhất, quá trình điều tra một vụ án được diễn ra trong một thời gian dài. Trong đó, người bị buộc tội sẽ bị lấy lời khai, hỏi cung nhiều lần khác với dưới các tư cách tố tụng khác nhau. Giả sử cán bộ điều tra tiến hành tra tấn,

11 Tuy Thông tư liên tịch 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP chỉ quy định về vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong thủ tục trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng trên thực tiễn áp dụng, nhiều tòa án vẫn tham khảo, vận dụng thông tư liên tịch này để xem xét vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm. Bởi lẽ, cùng một BLTTHS, một cụm từ “vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng” lại có cách hiểu khác nhau ở các giai đoạn khác nhau là bất hợp lý. Đồng thời, Thông tư liên tịch 02/2017 cũng có sự tham gia ký kết của lãnh đạo ngành Tòa án nên cũng có thể xem là ý kiến của Tòa tối cao về vấn đề này, do đó, thực hiện theo TTLT 02/2017 trong thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm là lựa chọn mang tính an toàn của nhiều thẩm phán.

bức cung, nhục hình người bị buộc tội trong những lần lấy lời khai, hỏi cung đầu tiên để buộc họ nhận tội. Sau đó, cán bộ điều tra tiếp tục thực hiện các buổi lấy lời khai, hỏi cung khác nhưng hoàn toàn tuân thủ đúng trình tự, thủ tục. Tuy nhiên, vì ảnh hưởng từ sự đau đớn về thể xác và tinh thần ở những lần lấy lời khai trước, người bị buộc tội tiếp tục nhận tội ở những buổi hỏi cung sau này để tránh việc bị tiếp tục tra tấn, nhục hình. Ngay cả khi họ có ý định phản cung thì cán bộ điều tra vẫn có thể sử dụng những lời nhận tội trước đó để làm phương tiện đấu tranh, ép người bị buộc tội tiếp tục nhận tội. Cần lưu ý rằng, quy trình lấy lời khai người bị bắt, người bị tạm giữ ở giai đoạn đầu của tố tụng không buộc phải ghi âm, ghi hình như quy trình hỏi cung bị can nên người bị bắt, người bị tạm giữ dễ chịu tổn thương hơn so với bị can. Do đó, việc chỉ loại trừ những lời nhận tội được đưa ra trong những lần lấy lời khai sử dụng tra tấn, bức cung, nhục hình là vô nghĩa nếu các lời nhận tội trong các lần lấy lời khai sau đó vẫn được sử dụng làm chứng cứ.¹²

Thứ hai, tại một số quốc gia áp dụng học thuyết “quả trên cây độc” trong vấn đề đánh giá chứng cứ, theo đó, nếu trình tự thu thập chứng cứ không tuân thủ quy định pháp luật (cây đã bị nhiễm độc), thì các chứng cứ được thu thập cũng được xem là không hợp pháp (quả cũng bị nhiễm độc theo) và phải bị loại bỏ. Ở cấp độ thứ nhất, học thuyết này loại trừ các chứng cứ được thu thập được trực tiếp từ hành vi bất hợp pháp (tạm gọi là chứng cứ sơ phát). Ở cấp độ thứ hai, nếu các chứng cứ sơ phát tiết lộ các thông tin, tài liệu, chứng cứ khác thì các thông tin, tài liệu, chứng cứ này cũng sẽ bị loại trừ (chứng cứ thứ phát). Ví dụ, nếu điều tra viên dùng nhục hình để lấy lời khai của người bị tình nghi, hiển nhiên, lời khai sẽ bị loại trừ bởi dùng nhục hình là bất hợp pháp. Đồng thời, nếu lời khai đó tiết lộ các thông tin dẫn dắt điều tra viên tới các chứng cứ, tài liệu, đồ vật khác thì các chứng cứ, tài liệu, đồ vật đó cũng sẽ bị loại trừ.

Tuy nhiên, tại Việt Nam, theo mạch quy định tại khoản 2 Điều 87 BLTTHS năm 2018, lời khai bị ép buộc trong các bản cung ban đầu sẽ không có giá trị pháp lý do vi phạm về trình tự, thủ tục; tuy nhiên, các chứng cứ khác có được từ thông tin của lời khai bị ép buộc nếu được thu thập đúng trình tự, thủ tục thì vẫn được xem là chứng cứ của vụ án. Việc quy định như vậy có thể làm giảm đi ý nghĩa của việc loại bỏ lời khai, lời nhận tội do bị tra tấn, bức cung, dùng nhục hình.¹³

12 Zhiyuan Guo, “Exclusion of Illegally Obtained Confessions in China: An Empirical Perspective,” *The International Journal of Evidence & Proof*, Vol. 21(1-2), 2017, tr. 39, <https://doi.org/10.1177/1365712716674799>.

13 Hiện nay, trong các thuật ngữ pháp lý được sử dụng tại Việt Nam, chưa có thuật ngữ nào để mô tả sự khác biệt giữa chứng cứ ban đầu được thu thập trực tiếp từ các biện pháp thu thập chứng cứ, và chứng cứ sau này được thu thập dựa trên thông tin từ chứng cứ ban đầu đó. Trong bài viết, người viết dùng thuật ngữ “chứng cứ sơ phát” để chỉ nhóm chứng cứ ban đầu, và thuật ngữ “chứng cứ thứ phát” để chỉ nhóm chứng cứ phát sinh dựa trên thông tin của nhóm chứng cứ ban đầu. Thuật ngữ tương tự cũng đã từng được sử dụng trong bài nghiên cứu khác của người viết.

4.3. Các trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá, sử dụng chứng cứ

Thông thường, việc kiểm tra, đánh giá, sử dụng chứng cứ thường được chia thành hai bước: kiểm tra đầu vào (*admissibility*) và đánh giá giá trị chứng minh (*probative value*). Theo đó, giai đoạn đầu là nhằm xác định liệu một tài liệu, đồ vật hoặc lời khai được cung cấp bởi các bên trong vụ án có đủ các yếu tố để được xem như là chứng cứ để giải quyết vụ án hay không. Giai đoạn này nhấn mạnh vào tính hợp pháp và tính liên quan của chứng cứ. Sau khi một tài liệu, đồ vật, hoặc lời khai được xem xét là thỏa mãn điều kiện để được coi là chứng cứ thì sẽ bước vào giai đoạn thứ hai; ngược lại, nó sẽ bị loại trừ. Tại giai đoạn hai, giá trị chứng minh của chứng cứ sẽ được xem xét để cơ quan xét xử cân nhắc, quyết định sử dụng các chứng cứ có giá trị chứng minh khác nhau để đưa ra phán quyết cuối cùng. Ở giai đoạn này, tính khách quan (*reliability/truthfulness*) là yếu tố quyết định để xem xét.¹⁴ Việc tách ra hai giai đoạn khác nhau là để tránh tác động đến tâm lý và thiên kiến của người xét xử trong việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ. Nếu người xét xử phải đồng thời tiếp nhận và kiểm tra, đánh giá một chứng cứ có chứa thông tin đúng và có giá trị chứng minh cao nhưng lại bị thu thập theo cách trái luật thì rất khó để người xét xử loại bỏ hoàn toàn ảnh hưởng của các thông tin mà chứng cứ đó mang lại.¹⁵

Tại các hệ thống tố tụng tranh tụng, sự phân vai giữa thẩm phán và bồi thẩm đoàn đã thể hiện hai giai đoạn khác nhau của quá trình này. Theo đó, các thẩm phán sẽ giải quyết các vấn đề về luật (*matter of law*), nghĩa là thẩm phán sẽ quyết định các chứng cứ nào được chấp nhận để đưa đến trước bồi thẩm đoàn. Còn bồi thẩm đoàn sẽ quyết định các vấn đề về tình tiết (*matter of facts*), nghĩa là bồi thẩm đoàn sẽ dựa trên các chứng cứ mà thẩm phán đã chấp thuận để đánh giá giá trị chứng minh của chúng và sử dụng chúng để đưa ra phán quyết. Tại Nhật Bản, một quốc gia theo mô hình pha trộn,¹⁶ trong một số vụ án thì các hội thẩm (*saiban-in*) sẽ cùng thẩm phán quyết định vấn đề có tội hay không.¹⁷ Tuy nhiên, trước xét xử, thẩm phán sẽ mở một phiên họp tiền xét xử (*pre-trial conference*) để kiểm tra chứng cứ và thẩm phán sẽ quyết định chứng cứ nào được chấp thuận để trình bày tại phiên tòa sau khi nghe lập luận giữa các bên. Đến phiên tòa chính thức, chỉ các chứng cứ được thẩm phán chấp thuận tại buổi họp tiền xét xử mới có thể đưa ra để làm căn cứ cho

Xem thêm: Võ Minh Kỳ, “Một số nguyên tắc đánh giá chứng cứ trong tố tụng tranh tụng và kiến nghị cho Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 3 (359), 2018, tr. 22-29; Võ Minh Kỳ, và Nguyễn Phương Anh, “Học thuyết ‘qua trên cây độc’ trong tư pháp hình sự Hoa Kỳ và khuyến nghị cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 5(477), 2023, tr. 48-57

14 Jiahong He, *Methodology of Judicial Proof and Presumption*, Softcover reprint of the original 1st ed. 2018 edition, Springer, 2019, tr. 98–99.

15 Jingkun Liu, *tlđđ*, tr. 31.

16 Supreme Court of Japan, “Judicial System in Japan”, *Supreme Court of Japan online*, https://www.courts.go.jp/english/judicial_sys/index.html, truy cập ngày 15/6/2023.

17 Võ Minh Kỳ, và Nguyễn Phương Anh, “Thẩm phán không chuyên trong phiên tòa hình sự: Mô hình của Hoa Kỳ, Nhật Bản và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 6 (362), 2018, tr. 30–38.

phán quyết của tòa án.¹⁸ Việc này nhằm tránh các hội thẩm tiếp cận các chứng cứ không hợp pháp và gây thiên kiến trong xét xử.

Hiện nay, pháp luật tố tụng Việt Nam quy định việc kiểm tra, đánh giá, sử dụng chứng cứ ở tất cả các giai đoạn bởi tất cả những người tiến hành tố tụng.¹⁹ Tại giai đoạn xét xử, việc kiểm tra, đánh giá, sử dụng chứng cứ được thực hiện đồng thời và lồng ghép vào nhau. Sau khi nghe các bên kiểm tra, đánh giá tranh luận về các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử khi nghị án sẽ kiểm tra, đánh giá chứng cứ và quyết định sử dụng chứng cứ nào, loại trừ chứng cứ nào cùng một lúc. Điều này có thể khiến các lời nhận tội đúng sự thật có được từ tra tấn, bức cung, nhục hình gây thiên kiến buộc tội đến tâm lý của Hội đồng xét xử, đặc biệt là các hội thẩm nhân dân – là những cá nhân có kiến thức pháp luật còn hạn chế so với thẩm phán. Từ đó, sự loại trừ lời khai, lời nhận tội do bị tra tấn, bức cung, dùng nhục hình trở nên không còn nhiều ý nghĩa trong thực tiễn.

5. Kiến nghị và kết luận

Từ các phân tích nêu trên, loại trừ lời khai, lời nhận tội và các thông tin liên quan có được từ hành vi tra tấn, bức cung, nhục hình là một phương tiện cần thiết và hiệu quả để triệt tiêu động lực của người tiến hành tố tụng trong việc sử dụng các hành vi đó. Tuy nhiên, quy định tại khoản 2 Điều 87 BLTTHS chưa tạo ra cơ chế pháp lý đủ mạnh để cơ quan tố tụng tích cực và mạnh dạn loại trừ các lời khai, lời nhận tội này. Do đó, tác giả kiến nghị cần phải sửa đổi, bổ sung những nội dung sau để khắc phục các hạn chế hiện có:

Thứ nhất, cần có quy định lời khai, lời nhận tội có được từ tra tấn, bức cung, nhục hình không có giá trị pháp lý. Tham khảo từ Nhật Bản, Điều 319 (1) của BLTTHS năm 1948 quy định rõ: “Lời nhận tội do bị ép buộc, tra tấn hoặc đe dọa, sau khi bị giam giữ kéo dài quá mức hoặc khi có nghi ngờ về việc lời nhận tội được đưa ra một cách tự nguyện thì sẽ không được thừa nhận là chứng cứ.”²⁰ Tham khảo từ Trung Quốc, Điều 56 BLTTHS năm 2018 quy định rõ: “Lời nhận tội được thu thập từ tra tấn hoặc từ các biện pháp trái luật khác hoặc lời khai của người làm chứng, bị hại được thu thập bởi các biện pháp trái luật như bạo lực hoặc đe dọa, phải bị loại trừ.”²¹

Do đó, tác giả kiến nghị bổ sung khoản 3 Điều 98 BLTTHS năm 2018 như sau: “Lời khai, lời nhận tội của người bị buộc tội được thu thập bởi tra tấn, bức cung, nhục hình hoặc bởi các biện pháp trái luật khác không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ giải quyết vụ án.” Việc quy định

¹⁸ Supreme Court of Japan, *tlđđ*.

¹⁹ Điều 108 BLTTHS 2015.

²⁰ Tham khảo bản dịch tiếng Anh của Bộ luật tố tụng hình sự Nhật Bản tại <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3739>, truy cập ngày 16/6/2023.

²¹ Tham khảo bản dịch tiếng Anh tại https://www.chinalawtranslate.com/en/criminal-procedure-law-2018/#_Toc528744273, truy cập ngày 16/6/2023.

cụ thể, rõ ràng sẽ giúp các cơ quan tố tụng có cơ sở pháp lý vững chắc trong quyết định loại trừ các lời khai, lời nhận tội dạng này.

Thứ hai, cần quy định việc loại trừ các lời khai, lời nhận tội mang tính chất lặp lại nội dung của lời khai, lời nhận tội do bị tra tấn, bức cung, nhục hình. Tuy nhiên, để tránh việc loại trừ tất cả lời khai, lời nhận tội không cần thiết, cần phải đảm bảo rằng lời khai, lời nhận tội trong các lần lấy lời khai, hỏi cung sau là do chịu ảnh hưởng từ lần lấy lời khai, hỏi cung bị tra tấn, bức cung, nhục hình trước đó.

Theo các tác giả, có thể tham khảo kinh nghiệm từ Trung Quốc trong vấn đề này. Cụ thể, năm 2017, Trung Quốc đã ban hành Quy định về số vấn đề về nghiêm ngặt loại trừ chứng cứ không hợp pháp trong giải quyết vụ án hình sự. Điều 5 văn bản này đã quy định về vấn đề loại trừ lời khai, lời nhận tội mang tính chất lặp lại như sau: trường hợp tra tấn được sử dụng để buộc người bị buộc tội phải thú tội, và người bị buộc tội sau đó tiếp tục nhiều lần thú tội tương tự như lời thú tội trước đó do ảnh hưởng của việc sử dụng tra tấn trước đó, thì tất cả các lời nhận tội đó sẽ bị loại trừ cùng nhau, với các ngoại lệ sau. Một là, trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã thay đổi điều tra viên; và khi các điều tra viên khác tiến hành hỏi cung lại, họ thông báo về quyền tố tụng, hậu quả pháp lý của việc nhận tội, và người bị buộc tội tiếp tục tự nguyện khai nhận. Hai là, trong các giai đoạn xem xét việc bắt, truy tố hoặc xét xử, kiểm sát viên hoặc thẩm phán đã thông báo về quyền tố tụng và hậu quả pháp lý của việc nhận tội khi thẩm vấn và người bị buộc tội tự nguyện nhận tội.²²

Do đó, tác giả kiến nghị bổ sung khoản 4 Điều 98 BLTTHS năm 2018 như sau: “Các lời khai, lời nhận tội khác tương tự với lời khai, lời nhận tội đã bị loại trừ tại khoản 3 Điều này do bị ảnh hưởng bởi tra tấn, bức cung, nhục hình hoặc các biện pháp trái luật cũng không có giá trị pháp lý và không được sử dụng làm chứng cứ trước tòa, trừ trường hợp trong những lần lấy lời khai, hỏi cung sau đó, người bị buộc tội đã được giải thích về việc lời nhận tội do bị tra tấn, bức cung, nhục hình không có giá trị pháp lý và không được sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án nhưng họ vẫn tự nguyện cho lời khai, lời nhận tội.”

Thứ ba, cần quy định áp dụng nguyên tắc “quả trên cây độc” để loại trừ các chứng cứ, tài liệu có được từ thông tin của lời khai, lời nhận tội có được do tra tấn, bức cung, nhục hình. Tuy nhiên, tham khảo từ Hoa Kỳ, việc loại trừ này cũng cần có giới hạn nhất định để tránh việc loại trừ tất cả các tài liệu, chứng cứ có ý nghĩa giải quyết vụ án mà không có liên hệ trực tiếp với thông tin của lời khai, lời nhận tội bị ép buộc. Các ngoại lệ đó bao gồm các trường hợp: (i) bằng chứng được phát hiện từ một nguồn độc lập với hoạt động thu thập chứng cứ bất hợp pháp; (ii) việc khám phá ra bằng chứng là sự kiện tất

22 Tham khảo bản dịch tiếng Anh tại <https://www.chinalawtranslate.com/en/provisions-on-several-issues-regarding-the-strict-exclusion-of-illegal-evidence-in-handling-criminal-cases/>, truy cập ngày 16/6/2023.

yếu, không thể tránh khỏi dù có hay không sự việc thu thập chứng cứ bất hợp pháp; (iii) mối quan hệ nhân quả giữa hoạt động bất hợp pháp và việc phát hiện ra bằng chứng là không rõ ràng; (iv) sự thiện chí (*good faith*) của cơ quan có thẩm quyền.²³

Thứ tư, cần bổ sung thủ tục phiên họp công khai kiểm tra chứng cứ trước xét xử. Tại phiên họp này, kiểm sát viên và người bào chữa (hoặc bị cáo) sẽ trình bày các chứng cứ buộc tội, gỡ tội trong vụ án và các bên sẽ cùng đưa ra lập luận để thẩm phán quyết định chứng cứ nào là hợp pháp và sẽ được sử dụng tại phiên tòa, chứng cứ nào không đảm bảo tính hợp pháp và cần phải loại trừ. Điều này đảm bảo Hội đồng xét xử, đặc biệt là các hội thẩm nhân dân, sẽ không bị tác động và có thiên kiến buộc tội bởi các lời khai, lời nhận tội bị tra tấn, bức cung, nhục hình khi tiến hành nghị án, loại trừ hoàn toàn ảnh hưởng của các lời khai, lời nhận tội này khỏi tâm trí của Hội đồng xét xử. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Terry v. Ohio, 392 U.S. 1 (1968)
 - [2] Bộ Công an, “Báo cáo quốc gia về thực thi Công ước chống tra tấn”, *Báo cáo quốc gia lần thứ Nhất về thực thi Công ước chống tra tấn*, tổ chức tại Thụy Sĩ từ ngày 14 - 15/11/2018 [trans: Ministry of Public Security, “National Report on the Implementation of the Convention Against Torture”, *First National Report on the Implementation of the Convention Against Torture*, held in Switzerland from November 14-15, 2018]
 - [3] Zhiyuan Guo, “Exclusion of illegally obtained confessions in China: An empirical perspective”, *The International Journal of Evidence & Proof*, Vol. 21(1-2), 2017, tr. 39, <https://doi.org/10.1177/1365712716674799>
 - [4] Jiahong He, *Methodology of judicial proof and presumption*, Softcover reprint of the original 1st ed. 2018 edition, Springer, 2019
 - [5] Võ Minh Kỳ, “Một số nguyên tắc đánh giá chứng cứ trong tố tụng tranh tụng và kiến nghị cho Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 3 (359), 2018
 - [6] Võ Minh Kỳ và Nguyễn Phương Anh, “Học thuyết ‘quả trên cây độc’ trong tư pháp hình sự Hoa Kỳ và khuyến nghị cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 5(477), 2023
 - [7] Võ Minh Kỳ, và Nguyễn Phương Anh, “Thẩm phán không chuyên trong phiên tòa hình sự: Mô hình của Hoa Kỳ, Nhật Bản và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 6 (362), 2018
 - [8] Lan Chi Le et al., “Understanding causes for wrongful convictions in Vietnam: A view from the top and the bottom of the iceberg”, *Asian Journal of Criminology*, Vol. 17, 2022, <https://doi.org/10.1007/s11417-022-09390-7>
 - [9] Richard A. Leo and Richard J. Ofshe, “The Consequences of False Confessions: Deprivations of liberty and miscarriages of justice in the age of psychological interrogation”, *The Journal of Criminal law and criminology*, Vol. 88, No. 2, 1998, <https://doi.org/10.2307/1144288>
 - [10] Jingkun Liu, *The exclusionary rule of illegal evidence in China: Theory, case, application*, 1st ed. 2019 edition, Springer, New York, 2019
 - [11] Trịnh Duy Thuyền, *Nội luật hóa quy định của Công ước Liên hợp quốc về chống tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2021 [trans: Trịnh Duy Thuyen, *Internalizing the provisions of the United Nations Convention against Torture for taking statements and interrogating the accused in the Criminal Procedure Code of Vietnam*, Doctor of Law thesis, University of Law Ho Chi Minh City, 2021]
 - [12] United States Courts, “Issue 2: Preserving Public Trust, Confidence, and Understanding,” *Strategic Plan for Federal Judiciary*, 2020
- 23 Kiến nghị này các tác giả đã phân tích sâu hơn trong một nghiên cứu khác. Xem thêm Võ Minh Kỳ, và Nguyễn Phương Anh, “Học thuyết ‘quả trên cây độc’ trong tư pháp hình sự Hoa Kỳ và khuyến nghị cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 5 (477), 2023, tr. 48-57.